

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18/CT

Việt Trung, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Về việc giải trình lợi nhuận sau
thuế TNDN tại báo cáo
KQHĐKD Quý II năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2021 và tình hình thực tế của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình (mã chứng khoán: VTQ)

Công ty xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD Quý II/2021 giảm 17.280,50% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể như sau:

| TT | CHỈ TIÊU | ĐTV | Quý II/2021 | Quý II/2020 | Chênh lệch | % tăng giảm |
|-----|--|------|----------------|----------------|----------------|-------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(4)-(5) | (7)=(6)/(5) |
| 1 | Sản lượng mủ cao su | Tấn | 116,00 | 56,23 | 59,77 | 106,28 |
| 2 | Sản lượng gỗ tinh chế | m3 | 300,15 | 67,88 | 232,28 | 342,21 |
| 3 | Sản lượng gỗ sơ chế | m3 | 123,33 | | 123,33 | |
| 4 | Doanh thu bán hàng và cung cấp DV | Đồng | 7.980.587.059 | 4.762.300.220 | 3.218.286.839 | 67,58 |
| 5 | Giá vốn hàng bán | Đồng | 7.947.837.664 | 6.343.168.840 | 1.604.668.824 | 25,30 |
| 6 | Lợi nhuận gộp | Đồng | 32.749.395 | -1.580.868.620 | 1.613.618.015 | -102,07 |
| 7 | Doanh thu hoạt động tài chính | Đồng | 2.900.488 | 5.183.486.107 | -5.180.585.619 | -99,94 |
| 8 | Chi phí tài chính | Đồng | 1.239.404.367 | 1.402.431.660 | -163.027.293 | -11,62 |
| 9 | Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp | Đồng | 3.272.108.338 | 2.427.360.908 | 844.747.430 | 34,80 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | Đồng | -4.475.862.822 | -227.175.081 | -4.248.687.741 | 1.870,23 |



| | | | | | | |
|----|---------------------------|------|----------------|-------------|----------------|-----------|
| 11 | Lợi nhuận khác | Đồng | 861.288.847 | 206.378.357 | 654.910.490 | 317,33 |
| 12 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Đồng | -3.614.573.975 | -20.796.724 | -3.593.777.251 | 17.280,50 |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | -3.614.573.975 | -20.796.724 | -3.593.777.251 | 17.280,50 |

2. Nguyên nhân

Sản lượng tiêu thụ mù cao su (Chỉ tiêu 1), gỗ tinh chế (Chỉ tiêu 2), gỗ sơ chế (Chỉ tiêu 3) của Quý II tăng lần lượt là 59,77 tấn, 232,88 m³ và 123,33 m³ làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng (chỉ tiêu 4) tăng 3.218.286.839 đồng (tương đương 67,58%); dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 1.613.618.015 đồng.

Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh được phân chia trong Quý I/2021 (Năm 2020 lợi nhuận từ hoạt động liên doanh được phân chia trong Quý II/2020) nên dẫn đến doanh thu từ hoạt động tài chính Quý II/2021 (chỉ tiêu 7) giảm 5.180.585.619 đồng. Chi phí hoạt động (chỉ tiêu 9) tăng 844.747.430 đồng dẫn đến Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (chỉ tiêu 10) giảm 4.248.687.741 đồng. Lợi nhuận khác (chỉ tiêu 11) tăng 654.910.490 đồng (tương đương 317,33%). Theo đó lợi nhuận sau thuế (chỉ tiêu 13) giảm 3.593.777.251 đồng (tương đương 17.280,5%).

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty để làm rõ vấn đề dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD Quý II năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phan*



Phan Văn Thành

